

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2018/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 7 năm 2018

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Minh Giới

Ông Nguyễn Văn Hận

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 352/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Kiều N**, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: K6B, thị trấn SĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh **Phạm Văn B** (xin vắng mặt).

Địa chỉ: K6B, thị trấn SĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2018, nguyên đơn là chị Nguyễn Kiều N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn B tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nguyên nhân mâu thuẫn, trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn B.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 02 người con chung tên Phạm Minh H, sinh ngày 22/4/2005 và Phạm Minh H, sinh ngày 05/4/2007. Vợ chồng tự thỏa thuận về nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản biên bản ghi ý kiến ngày 22/6/2018, bị đơn anh Phạm Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Kiều N về thời điểm kết hôn, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng tự thỏa thuận về nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay là đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị N và anh B là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Do anh Phạm Văn B xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Kiều N và anh Phạm Văn B chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2000 đến nay, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, có sự xác nhận của chính quyền địa phương. Tại phiên tòa, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh B. Do chị N và anh B chung sống vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị N và anh B là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị N và anh B thống nhất chấm dứt quan hệ hôn nhân nên Tòa án không công nhận chị N và anh B là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 02 người con chung tên Phạm Minh H, sinh ngày 22/4/2005 và Phạm Minh H, sinh ngày 05/4/2007. Vợ chồng tự thỏa thuận về nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Kiều N và anh Phạm Văn B là vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Kiều N tự nguyện chịu 300.000 đồng, ngày 24/5/2018 chị N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008194 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND TT. SĐ, huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang